

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT
Ngày 12-3-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy
Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc A; nơi cư trú: Số 15/73 CD, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt;
2. Bị đơn: Bà Trần Thị B; nơi cư trú: Số 15/73 CD, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.
3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc A đăng ký kết hôn với bà Trần Thị B tại Ủy ban nhân dân phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng từ ngày 23 tháng 7 năm 2001. Quá trình chung sống, ông A và bà B phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên không có tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung luôn căng thẳng, bất hòa. Bên cạnh đó, bà B và bố mẹ ông A cũng có nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2014 cho đến nay, ông A đã sống ly thân với bà B, hai bên không còn quan hệ tình cảm với nhau. Vì mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị B.

Về con chung: Ông A và bà B có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 14-6-1997 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 06-02-1999. Các con chung đều đã thành niên nên ông Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung gồm 01 căn nhà tại địa chỉ: Lô 14-A7-101 Chung cư HH, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng và 01 căn nhà tại Số 15/73 CD, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Tại các buổi làm việc khoảng tháng 9 năm 2019, bà B không đồng ý ly hôn với ông A, nguyên nhân do hai bên còn bất đồng quan điểm về tài sản chung. Đến ngày 13-10-2020, bà B đã chủ động liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết về tài sản chung giữa ông A và bà B. Theo đó, ông A và bà B đã thỏa thuận tặng cho các con chung 02 căn nhà trên và đề nghị Văn phòng Thừa phát lại Ngô Quyền chứng kiến việc thỏa thuận này, cụ thể: Ông A và bà B tặng căn nhà tại địa chỉ: Lô 14-A7-101 Chung cư HH, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng cho con trai là Nguyễn Việt D và tặng căn nhà tại địa chỉ: Số 15/73 CD, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng cho con gái là Nguyễn Thị Hồng C theo Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân ngày 13-10-2020. Do hai bên đã tự thỏa thuận để lại toàn bộ tài sản chung cho hai con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà Trần Thị B là bị đơn, trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông A về việc kết hôn. Quá trình chung sống, bà B và ông A có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau. Bà B và ông A không còn quan hệ tình cảm với nhau từ khoảng năm 2014 cho đến nay. Ông A có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác. Gần đây nhất, ông A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên Hoàng Thị E. Tuy ông A ngoại tình, nhưng bà B vẫn tạo điều kiện để ông A quay về với gia đình, vẫn mong muốn các con chung có đầy đủ bố và mẹ. Vì vậy, bà B có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con chung, không đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1997 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1999 đều đã thành niên nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vì không đồng ý ly hôn nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị B được ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị B có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1997 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1999. Các con chung đều đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Do hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết.

Bản án có tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, bà Trần Thị B kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Ngọc A vì ông A ngoại tình với chị Hoàng Thị E, hiện cư trú tại 5/30 ngõ 373 đường NGT, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng. Bà không đồng tình với quan điểm của bố mẹ chồng nói bà B ngoại tình.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy quá trình chung sống giữa ông A và bà B phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm điểm và tính cách không hòa hợp nên không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng. Ông A và bà B đã ly thân và không còn tình cảm với nhau từ năm 2014. Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bà B

không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp cụ thể để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau. Cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho ông A được ly hôn bà B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Xét kháng cáo của bà Trần Thị B:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông A có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2014 đến nay, bà B và ông A đã ly thân và không còn quan hệ tình cảm với nhau, ông A ruồng rẫy, không quan tâm đến bà nhưng bà vẫn cho ông A cơ hội trở về với gia đình. Như vậy, căn cứ vào chính lời khai của bà B cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà B và ông A không đạt được. Việc ông A có quan hệ với người phụ nữ khác theo lời khai của bà B cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, đây cũng chính là nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng, thể hiện việc ông A không còn tình cảm yêu thương vợ chồng đối với bà. Một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm của cả vợ và chồng. Bà B không đồng ý ly hôn vì ông A ngoại tình với người phụ nữ tên Bình nhưng không có các biện pháp cụ thể để hai vợ chồng đoàn tụ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm. Bản thân ông A không mong muốn đoàn tụ với bà B nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông A được ly hôn với bà B là có căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung và tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Trường hợp, các bên có tranh chấp về việc phân chia tài sản chung thì có quyền giải quyết bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[3] Từ những nhận định như trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B.

[4] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST này 03 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HB, Hải Phòng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc A được ly hôn bà Trần Thị B
2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị B có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 14-6-1997 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 06-02-1999. Các con chung đều đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Do hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008340 ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HB.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010117 ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HB.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận HB;
- Chi cục THADS quận HB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

